

YBM TOEIC READING 1000

2

MAI ĐỨC HÀ dịch



1000 câu hỏi sát
với đề thi thực tế



Đáp án kèm
giải thích chi tiết



Phân tích đầy đủ
về xu hướng ra đề



Cập nhật đề thi
TOEIC định dạng mới



NHÀ XUẤT BẢN
DẪN TRỊ

Được biên soạn bởi
YBM - Đơn vị độc quyền tổ chức thi và
cấp chứng chỉ TOEIC tại Hàn Quốc



GIỚI THIỆU BỘ SÁCH ***YBM TOEIC READING 1000***

Là một trong những đơn vị ôn luyện và tổ chức kỳ thi TOEIC uy tín nhất tại Hàn Quốc trong suốt hơn 30 năm qua, YBM luôn cho ra đời những đầu sách best-seller phù hợp với từng đối tượng người học TOEIC. Trân trọng giới thiệu đến độc giả bộ sách **YBM TOEIC READING 1000**.

Bộ sách là niềm tự hào của YBM

Từ năm 1982 đến nay, với tư cách là một trong những đơn vị ôn luyện và tổ chức kỳ thi TOEIC hàng đầu tại Hàn Quốc, YBM đã xuất bản khoảng 400 đầu sách TOEIC bán chạy. Bằng kinh nghiệm và năng lực đã tích lũy được trong quá trình biên soạn giáo trình cũng như phân tích các câu hỏi trong bài thi TOEIC suốt một thời gian dài, YBM đã cho ra mắt bộ sách **YBM TOEIC READING 1000**.

Bộ sách được cập nhật theo đề thi TOEIC định dạng mới

YBM đã phân tích kỹ lưỡng xu hướng ra đề mới nhất nhằm giúp người học bám sát chương trình ôn luyện hơn. Nội dung bài thi trong sách tương đương với đề thi thật từ độ dài cũng như độ khó, kèm theo đó là phần đáp án giải thích kỹ lưỡng các điểm mấu chốt trong việc ra đề.

YBM TOEIC REDING 1000 được phát triển dựa trên kinh nghiệm xuất bản giáo trình của tổ chức khảo thí ETS

Là nhà xuất bản giáo trình TOEIC độc quyền của tổ chức ETS, YBM đã biên soạn và xuất bản bộ sách gồm hai cuốn **YBM TOEIC READING 1000**. Mỗi cuốn cung cấp 1000 câu hỏi bám sát ý đồ của người ra đề. Bộ sách được các giáo viên có nhiều kinh nghiệm luyện thi TOEIC đánh giá rất cao, chất lượng hơn hẳn so với những tài liệu trôi nổi ngoài thị trường.

YBM TOEIC READING 1000 hứa hẹn sẽ giúp các thí sinh đạt được số điểm mong muốn trong thời gian ngắn nhất.

Viện nghiên cứu TOEIC YBM

Cấu trúc bài thi TOEIC và thông tin về kỳ thi

TOEIC là gì?

TOEIC (Test of English for International Communication) là kỳ thi đánh giá trình độ sử dụng tiếng Anh dành cho những người sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai trong môi trường giao tiếp và làm việc quốc tế.

Cấu trúc bài thi TOEIC

Kỹ năng	Phần	Nội dung	Số câu hỏi	Thời gian	Tổng điểm	
Nghe (L/C)	1	Mô tả tranh	6	45 phút	495 điểm	
	2	Hỏi và trả lời	25			
	3	Hội thoại ngắn	39			
	4	Bài nói ngắn	30			
Đọc (R/C)	5	Hoàn thành câu	30	75 phút	495 điểm	
	6	Hoàn thành đoạn văn	16			
	7	Đọc hiểu	Một đoạn văn			29
			Hai đoạn văn			10
			Ba đoạn văn			15
			Total			7 Parts

Đăng ký thi TOEIC như thế nào?

Tại Việt Nam, thí sinh có thể đăng ký thi TOEIC tại các văn phòng của IIG, đơn vị được ETS (đơn vị ra đề thi TOEIC) ủy quyền cho tổ chức thi và cấp chứng chỉ tại Việt Nam. Trước khi đăng ký, thí sinh có thể tìm hiểu các thông tin chi tiết về lịch thi của từng tháng được cập nhật trên trang web của IIG.

Những vật dụng bắt buộc phải mang theo khi đi thi là gì?

- Chỉ được phép mang những giấy tờ tùy thân theo quy định (Chứng minh nhân dân, Bằng lái xe, Hộ chiếu còn hiệu lực, Thẻ công chức,...)
- Bút viết, bút chì và tẩy sẽ được phát khi vào phòng thi (Cấm sử dụng bút bi hoặc bút máy)

Kỳ thi được tiến hành như thế nào?

09:20	Vào phòng thi (Không thể vào phòng sau 9 giờ 50 phút)
09:30 - 09:45	Hướng dẫn ghi phiếu trả lời
09:45 - 09:50	Nghỉ ngơi
09:50 - 10:05	Xác minh giấy tờ tùy thân
10:05 - 10:10	Phát đề và kiểm tra lỗi trên đề
10:10 - 10:55	Thi nghe (Listening Test)
10:55 - 12:10	Thi đọc (Reading Test)

Làm thế nào để tra cứu kết quả thi TOEIC?

Kết quả bài thi của thí sinh sẽ được thông báo sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thi đối với VP Hà Nội, 07 ngày làm việc đối với VP Hồ Chí Minh và VP Đà Nẵng. Mỗi thí sinh sẽ nhận được tờ phiếu điểm trong phong bì có niêm phong. Khi tới văn phòng IIG Việt Nam nhận kết quả thi, thí sinh cần phải xuất trình Phiếu đăng ký dự thi (bản gốc) và Chứng minh thư/Hộ chiếu gốc. Trong trường hợp không đến nhận kết quả thi được, thí sinh có thể viết Giấy ủy quyền cho người khác đến nhận thay kết quả thi. Người đi lấy thay cần mang theo Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu gốc của mình, Giấy ủy quyền và Phiếu đăng ký dự thi của thí sinh.

Điểm tối đa của bài thi TOEIC là bao nhiêu?

Bài thi TOEIC gồm 100 câu phần đọc (RC) và 100 câu phần nghe (LC), mỗi phần tương ứng với 495 điểm, tức tổng điểm là 990. Vì mức độ khó của các câu khác nhau, nên trị giá điểm của mỗi câu cũng khác biệt. Kết quả của bài thi TOEIC được tính dựa trên bảng quy đổi điểm.

PHÂN TÍCH XU HƯỚNG RA ĐỀ TOEIC MỚI

PART 1 Mô tả tranh (Photographs)

Tổng 6 câu hỏi

Ảnh tập trung miêu tả người hoặc vật

33%

Ảnh xuất hiện một người

33%

Ảnh xuất hiện một người

Chủ ngữ là He/She, A man/woman, One of the men/women,... và thường xuất hiện ở phần đầu.

Ảnh xuất hiện hai người trở lên

Chủ ngữ là They, some men/women/people,... và thường xuất hiện ở phần giữa.

Ảnh về vật/bối cảnh

Chủ ngữ đều là A car, some chairs,... và thường xuất hiện ở phần cuối.

Ảnh tập trung miêu tả người hoặc vật

Chủ ngữ một phần là người, một phần là sự vật và thường xuất hiện ở phần cuối.

PART 1
Xu hướng ra đề mới nhất

Ảnh về vật/bối cảnh

17%

Ảnh xuất hiện hai người trở lên

17%

Thì hiện tại đơn, thể bị động

25%

Khác
10%

Thì hiện tại tiếp diễn, thể chủ động

Sử dụng cấu trúc "is/are + hiện tại phân từ" và dùng cho chủ ngữ là người.

Thì hiện tại đơn, thể bị động

Sử dụng cấu trúc "is/are + quá khứ phân từ" và dùng cho chủ ngữ là vật.

Khác

Ngoài ra, ta còn sử dụng cấu trúc hiện tại tiếp diễn ở thể bị động "is/are + being + hiện tại phân từ", cấu trúc hiện tại hoàn thành ở thể bị động "has/have + been + quá khứ phân từ", cấu trúc hiện tại đơn ở thể chủ động "ngoại động từ + tân ngữ", cấu trúc "There is/are",...

PART 1
Thì và thể của đáp án đúng

Thì hiện tại tiếp diễn, thể chủ động

65%

PART 2 Hỏi và trả lời (Question-Response)

Tổng 25 câu hỏi

1. Câu hỏi có từ để hỏi

Câu hỏi bắt đầu bằng từ để hỏi đơn giản như **What, Which, Why**,... cũng có thể đi kèm với tính từ hoặc danh từ như **What time ~?, How long ~?, Which room ~?**,... Part 2 sẽ có 1-2 câu hỏi mỗi dạng.

2. Câu hỏi không có từ để hỏi

+ Câu hỏi "Yes/No": xuất hiện khoảng 1-4 lần.

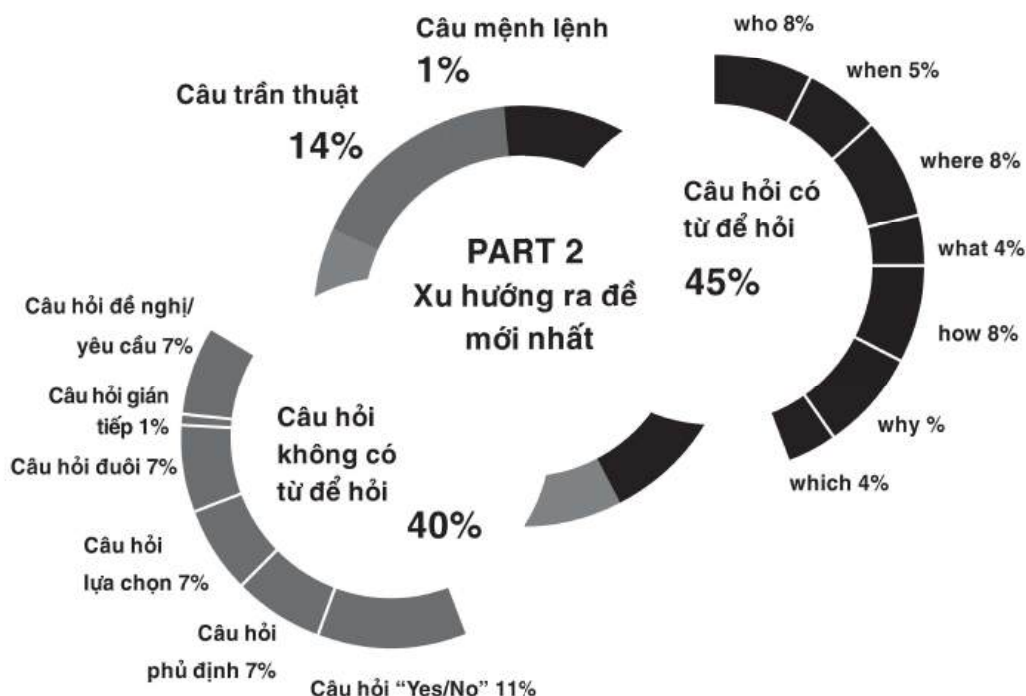
+ Câu hỏi phủ định bắt đầu bằng **Don't you ~?, Isn't he ~?**,...: ít gặp hơn các câu hỏi dạng khẳng định thông thường.

+ Câu hỏi lựa chọn A hoặc B: A và B có thể là các từ, cụm từ hoặc vế câu. Trong trường hợp A và B là cụm từ hoặc vế câu thì câu hỏi sẽ dài và khó hơn.

+ Câu hỏi đuôi kết thúc bằng **~ don't you?**, **~ isn't he?**,...: giống với dạng câu hỏi phủ định.

+ Câu hỏi gián tiếp có từ để hỏi không nằm ở đầu câu mà nằm ở giữa câu.

+ Câu hỏi đề nghị/yêu cầu: thay vì mục đích nhận thông tin, người hỏi có xu hướng đặt câu hỏi dạng này để yêu cầu đối phương giúp đỡ hoặc tìm kiếm sự đồng ý từ đối phương.



3. Câu trần thuật

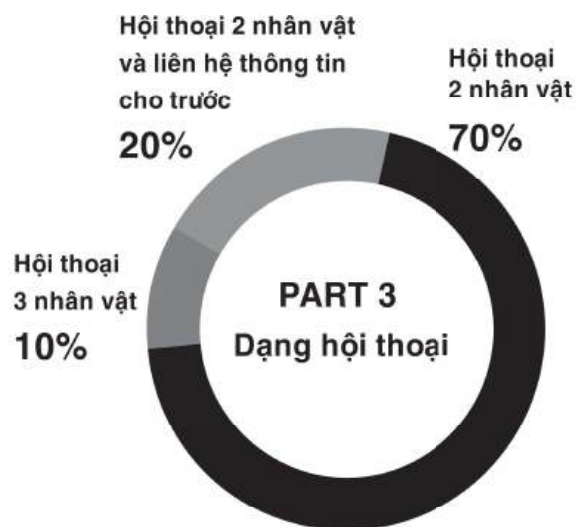
Khác với câu hỏi, câu trần thuật đưa ra sự thực khách quan hoặc ý kiến.

4. Câu mệnh lệnh

Câu mệnh lệnh thường bắt đầu bằng động từ nguyên thể hoặc **Please**.

PART 3 Hội thoại ngắn (Short Conversations)

Tổng 39 câu hỏi với 13 đoạn hội thoại (mỗi đoạn hội thoại tương ứng với 3 câu hỏi)



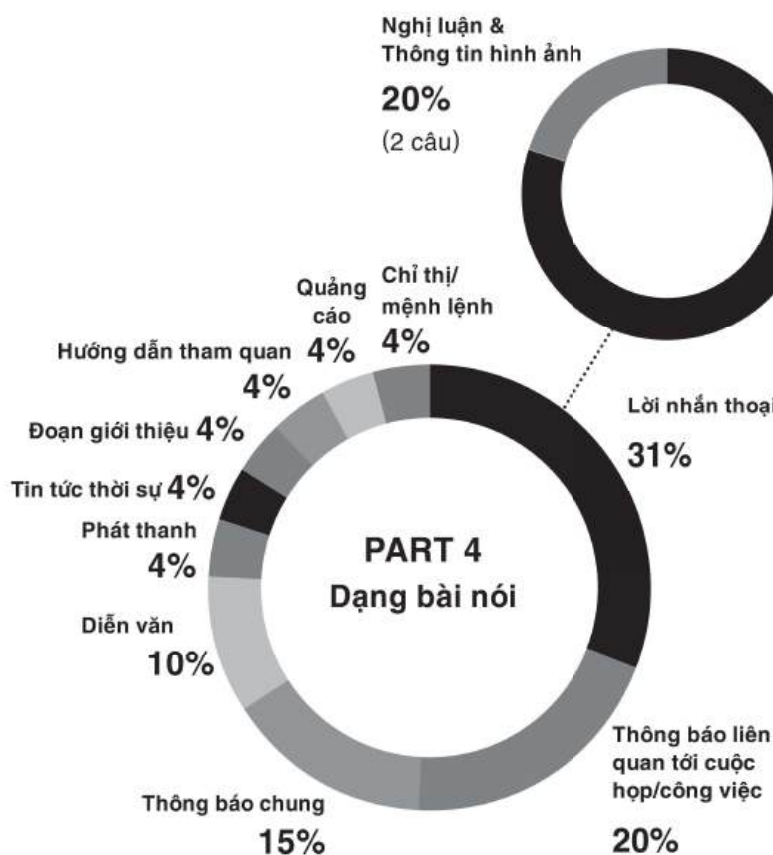
- Trong trường hợp **hội thoại 3 nhân vật**, bài nói có thể xuất hiện 2 nhân vật nam với 1 nhân vật nữ, hoặc 2 nhân vật nữ với 1 nhân vật nam. Theo đó, khác với câu hỏi của dạng **hội thoại 2 nhân vật** thường được xác định bằng từ “the man” hoặc “the woman”, dạng **hội thoại 3 nhân vật** sẽ đề cập tới tên của nhân vật.
- Dạng **hội thoại 2 nhân vật** liên hệ thông tin cho trước luôn nằm ở cuối Part 3.



- Những câu hỏi liên quan tới nội dung tổng quát của đoạn hội thoại như chủ đề, mục đích, lý do, địa điểm diễn ra hội thoại, nghề nghiệp/nơi làm việc của người nói,... thường xuất hiện đầu tiên. Câu hỏi về hành động/sự việc xảy ra tiếp theo thường là câu hỏi thứ ba.
- Câu hỏi xác định ý đồ của người nói thường xuất hiện trong đoạn hội thoại 2 nhân vật, nhưng đôi khi cũng có thể xuất hiện trong đoạn hội thoại 3 nhân vật.
- Ở Part 3, nếu có 2 câu hỏi yêu cầu xác định ý đồ của người nói thì sẽ có 3 câu hỏi liên hệ với thông tin cho trước và ngược lại, nếu có 3 câu hỏi yêu cầu xác định ý đồ của người nói thì sẽ có 2 câu hỏi liên hệ với thông tin đã cho. Tức là, Part 3 sẽ có 5 câu hỏi cho hai dạng này.
- Thông tin cho trước trong dạng câu hỏi liên hệ có thể rất đa dạng như chart, map, floor plan, schedule, table, weather forecast, directory, list, invoice, receipt, sign, packing clip,...

PART 4 Bài nói ngắn (Short Talks)

Tổng 30 câu hỏi với 10 bài nói
(mỗi bài nói tương ứng với 3 câu hỏi)



- Part 4 luôn có lời nhắn thoại và thông báo liên quan tới cuộc họp/công việc. Trong nhiều trường hợp, tổng số câu của hai dạng này lên tới 50% số lượng câu hỏi trong đề.
- Dạng bài nói liên hệ thông tin cho trước luôn xuất hiện ở cuối Part 4.



- Dạng câu hỏi tương tự với Part 3.
- Đối với dạng câu hỏi yêu cầu xác định ý đồ của người nói, nếu Part 3 có 3 câu hỏi thì Part 4 sẽ xuất hiện 2 câu. Một đề sẽ có tất cả 5 câu hỏi dạng này.
- Đối với dạng câu hỏi liên hệ thông tin cho trước, nếu Part 3 có 2 câu hỏi thì Part 4 sẽ xuất hiện 3 câu. Một đề sẽ có tất cả 5 câu hỏi dạng này.
- Các thông tin cho trước trong dạng câu hỏi liên hệ rất đa dạng như chart, map, floor plan, schedule, table, weather forecast, graph, survey, order form, expense report, advertisement, coupon, brochure,...

PART 5 Hoàn thành câu (Incomplete Sentences)

Tổng 30 câu hỏi

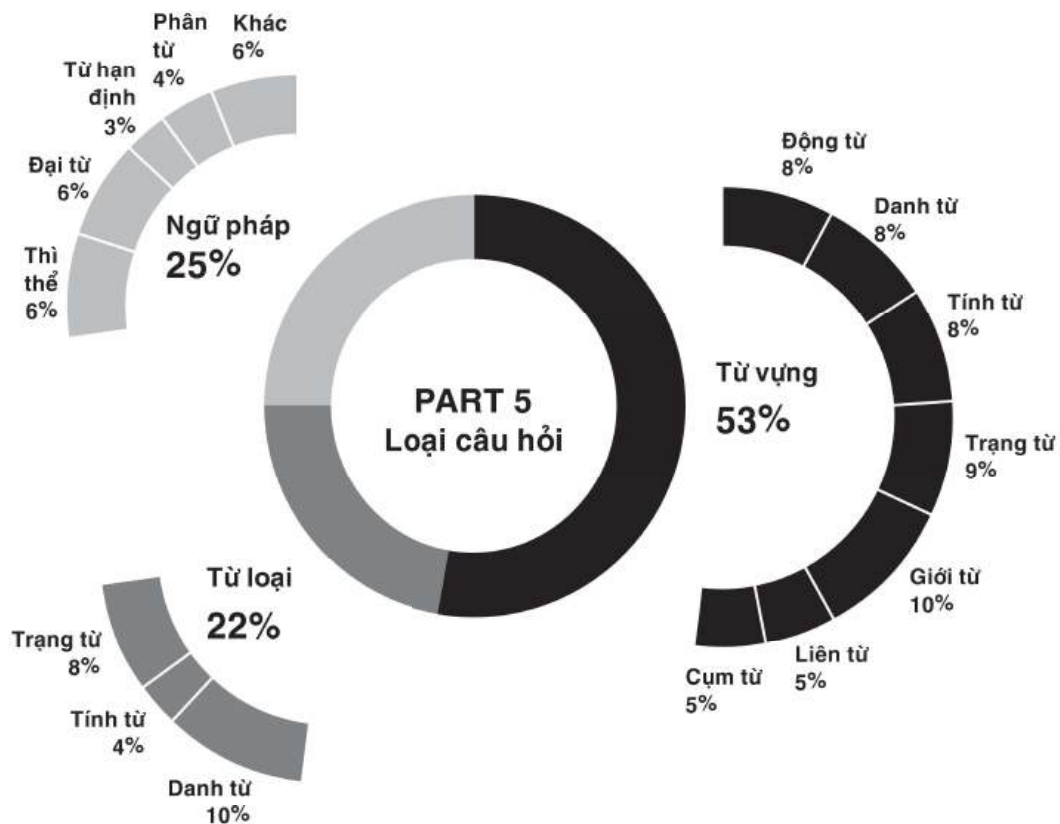
PART 5 - XU HƯỚNG RA ĐỀ MỚI NHẤT

Câu hỏi về từ vựng

Các câu hỏi liên quan tới từ vựng như động từ, danh từ, tính từ,... được chia đều khoảng 2-3 câu/loại. Các câu hỏi về giới từ thường có khoảng 3 câu; đôi khi không có câu hỏi liên quan tới liên từ và cụm từ nhưng cũng có lúc xuất hiện tới 3 câu về mảng này.

Câu hỏi về từ loại

Các câu hỏi về từ loại liên quan tới danh từ hay trạng từ thường có khoảng 2-3 câu; câu hỏi về từ loại liên quan đến tính từ thường ít gặp hơn.



Câu hỏi về ngữ pháp

Các câu hỏi về ngữ pháp liên quan tới thì thể và đại từ thường có 2 câu, liên quan tới từ hạn định hoặc phân tử thường có 1 câu. Trong trường hợp là câu hỏi về thì thể và đại từ, có khả năng câu hỏi sẽ liên quan tới câu chủ động/bị động hoặc việc chia động, danh từ theo số ít/nhiều. Ngoài ra, các câu hỏi ngữ pháp liên quan tới từ hạn định, tính từ so sánh bằng, so sánh hơn, so sánh nhất, động từ nguyên thể, danh động từ,... cũng sẽ xuất hiện.

PART 6 Điền vào đoạn văn (Text Completion)

Tổng 16 câu hỏi với 4 đoạn văn (mỗi đoạn tương ứng với 4 câu hỏi)

Mỗi đoạn văn đi kèm với 4 câu hỏi, trung bình sẽ có 2 câu hỏi về từ vựng, 1 câu hỏi về từ loại hoặc ngữ pháp, 1 câu hỏi chọn câu phù hợp với ngữ cảnh.

PART 6 - XU HƯỚNG RA ĐỀ MỚI NHẤT

Ngoại trừ câu hỏi chọn câu phù hợp với ngữ cảnh thì các câu hỏi còn lại về cơ bản tương tự như Part 5.

Câu hỏi về từ vựng

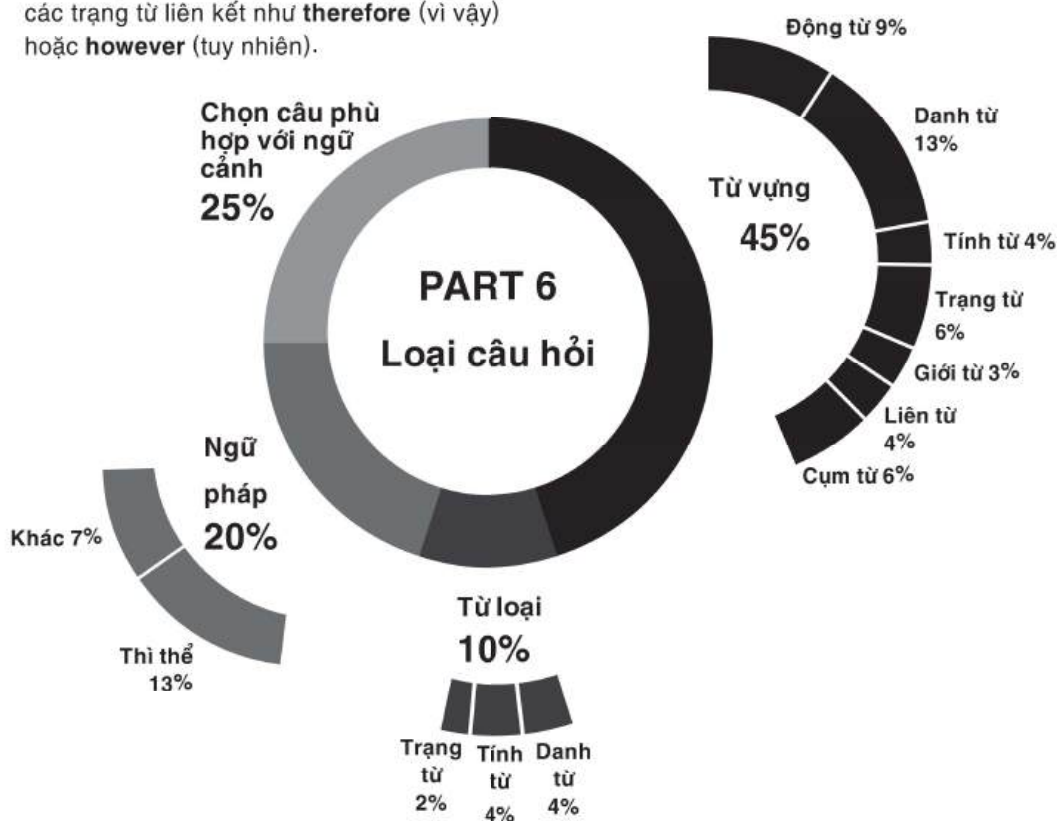
Các câu hỏi về từ vựng như động từ, danh từ, trạng từ, cụm từ luôn xuất hiện 1-2 lần trong mỗi đề. Trong khi đó, các câu hỏi về tính từ, giới từ, liên từ rất hiếm khi xuất hiện, nếu có cũng chỉ khoảng 1-2 câu. Câu hỏi từ vựng về trạng từ thường bao gồm các trạng từ liên kết như **therefore** (vì vậy) hoặc **however** (tuy nhiên).

Câu hỏi về từ loại

Các câu hỏi về từ loại liên quan tới danh từ, tính từ thường gặp hơn so với trạng từ.

Câu hỏi về ngữ pháp

Các câu hỏi về thì thể liên quan mật thiết tới mạch văn (thể chủ động/bị động hoặc chia động từ theo số nhiều/số ít) thường có 2 câu. Ngoài ra, cũng có các câu hỏi về ngữ pháp khác như đại từ, tính từ so sánh bằng/hơn/nhất, động từ nguyên thể, danh động từ,...



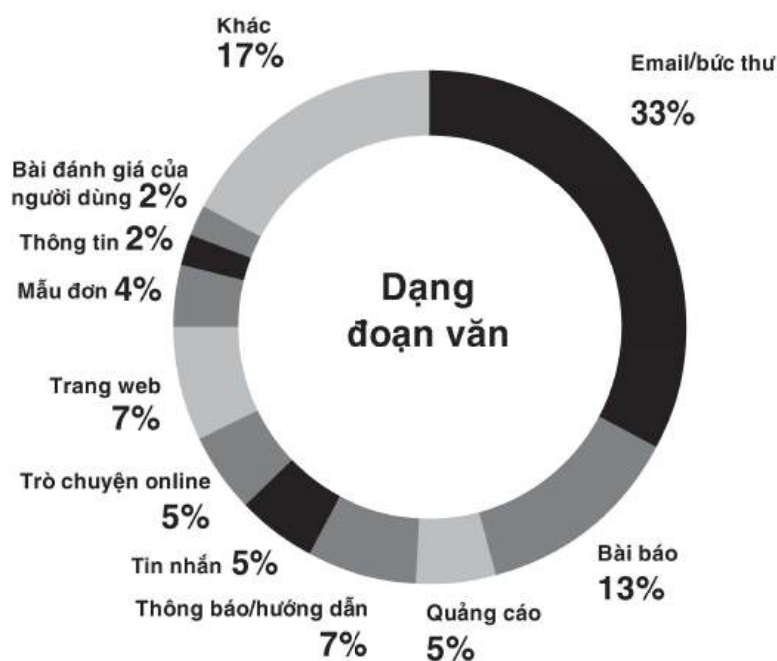
Câu hỏi lựa chọn câu phù hợp với ngữ cảnh

Mỗi đoạn văn sẽ đi kèm với 4 câu hỏi, trong đó có 1 câu hỏi yêu cầu chọn câu phù hợp với ngữ cảnh. Xác suất xuất hiện câu hỏi dạng này thường là ở câu thứ hai, sau đó đến câu thứ ba, câu thứ tư và ít xuất hiện nhất ở câu đầu tiên.

PART 7 Đọc hiểu (Reading Comprehension)

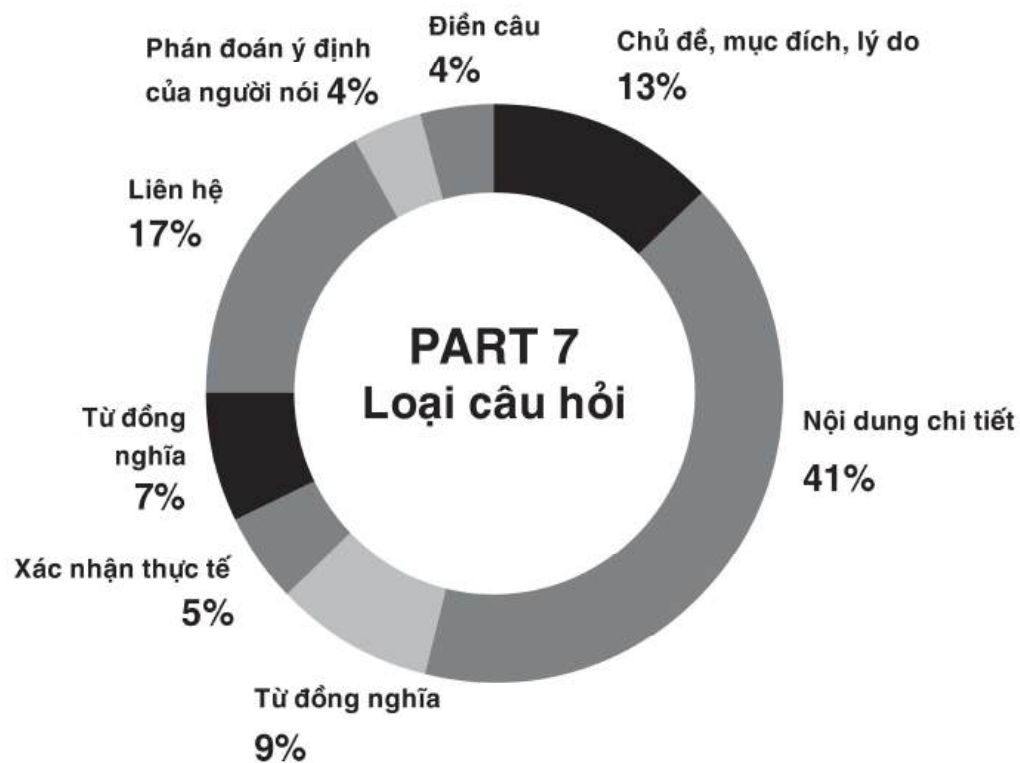
Tổng 54 câu hỏi với 15 đoạn văn (mỗi đoạn tương ứng với 2-5 câu hỏi)

Dạng bài	Số câu hỏi tương ứng với từng đoạn văn	Số đoạn văn	Tỷ lệ
Một đoạn văn	2 câu hỏi	4 đoạn	Khoảng 15%
	3 câu hỏi	3 đoạn	Khoảng 16%
	4 câu hỏi	3 đoạn	Khoảng 22%
Hai đoạn văn	5 câu hỏi	2 đoạn	Khoảng 19%
Ba đoạn văn	5 câu hỏi	3 đoạn	Khoảng 28%



(Tính riêng nội dung của các bài đọc có ba đoạn văn và bài đọc có hai đoạn văn - tổng cộng có 23 bài đọc)

- Bài đọc thường xuất hiện dưới dạng email/bức thư, bài báo, nhiều trường hợp tổng số câu hỏi thuộc hai dạng này chiếm tới 50-60% tổng số câu hỏi trong đề thi.
- Các bài đọc có chủ đề rất đa dạng như agenda, attachment, brochure, business plan, comment card, coupon, flyer, instructions, invitation, invoice, job-fair posting, list, log sheet, menu, newspaper editorial, note, page from a catalog, policy statement, program, receipt, report, schedule, sign, survey, voucher,...



- Câu hỏi về từ đồng nghĩa thường xuất hiện ở dạng bài đọc có hai đoạn văn hoặc bài đọc có ba đoạn văn.
- Câu hỏi liên hệ thường là 1-2 câu đối với dạng bài hai đoạn văn và 2-3 câu đối với dạng bài ba đoạn văn.
- Câu hỏi phán đoán ý định của người nói thường có 1 câu, xuất hiện trong chuỗi tin nhắn (text-message chain) hoặc đoạn nói chuyện trực tuyến (online chat discussion).
- Câu hỏi diễn câu thích hợp vào chỗ trống thường xuất hiện 1 lần trong bài báo, email/ bức thư.

Bảng quy đổi điểm

Điểm chính thức của phần nghe (số câu trả lời đúng)	Điểm được tính cho phần nghe (điểm đã quy đổi)	Điểm chính thức của phần đọc (số câu trả lời đúng)	Điểm được tính cho phần đọc (điểm đã quy đổi)
96-100	480-495	96-100	460-495
91-95	435-490	91-95	410-475
86-90	395-450	86-90	380-430
81-85	355-415	81-85	355-400
76-80	325-375	76-80	325-375
71-75	295-340	71-75	295-345
66-70	265-315	66-70	265-315
61-65	240-285	61-65	235-285
56-60	215-260	56-60	205-255
51-55	190-235	51-55	175-225
46-50	160-210	46-50	150-195
41-45	135-180	41-45	120-170
36-40	110-155	36-40	100-140
31-35	85-130	31-35	75-120
26-30	70-105	26-30	55-100
21-25	50-90	21-25	40-80
16-20	35-70	16-20	30-65
11-15	20-55	11-15	20-50
6-10	15-40	6-10	15-35
1-5	5-20	1-5	5-20

* Bảng quy đổi điểm trên được soạn riêng cho các bài Test trong cuốn sách này. Bảng quy đổi này có thể sử dụng để tính điểm thực tế của người học. Ví dụ, trong phần thi Listening, thực tế bạn trả lời đúng 61-65 câu thì số điểm sau khi quy đổi là 240 - 285 điểm. Điều này có nghĩa là nếu bạn trả lời đúng 61 câu thì điểm sau khi quy đổi là 240 điểm, nếu trả lời đúng 65 câu thì điểm sau quy đổi là 285 điểm. Bảng quy đổi điểm này phần nào giúp người học hiểu hơn về cách chuyển đổi điểm cho từng phần thi Reading và Listening trong bài thi TOEIC, qua đó hiểu rõ trình độ của mình và có định hướng học tập rõ ràng. Tuy nhiên, bạn cần phải hết sức lưu ý, bảng này không phải là bảng quy đổi điểm được dùng trong các kỳ thi TOEIC thật.

CONTENTS

TEST 01	20
TEST 02	52
TEST 03	82
TEST 04	114
TEST 05	144
TEST 06	176
TEST 07	208
TEST 08	238
TEST 09	268
TEST 10	300
ĐÁP ÁN	343



RCC



T E S T 1



READING TEST

In the Reading test, you will read a variety of texts and answer several different types of reading comprehension questions. The entire Reading test will last 75 minutes. There are three parts, and directions are given for each part. You are encouraged to answer as many questions as possible within the time allowed.

You must mark your answers on the separate answer sheet. Do not write your answers in your test book.

PART 5

Directions: A word or phrase is missing in each of the sentences below. Four answer choices are given below each sentence. Select the best answer to complete the sentence. Then mark the letter (A), (B), (C), or (D) on your answer sheet.

101. Diners at the Appleton Buffet have commented favorably on ----- wide variety of seafood dishes.
(A) we
(B) us
(C) our
(D) ours
102. Rev Furniture has high-quality handmade goods and reasonable delivery -----.
(A) routines
(B) trucks
(C) duties
(D) fees
103. The Fort Myers Garden Club ----- a monthly newsletter to its members to keep them informed.
(A) circulates
(B) was circulated
(C) to circulate
(D) has been circulated
104. Decorated with fascinating -----, the hotel's lobby is a great place to pass the time while waiting for someone.
(A) photographer
(B) photographed
(C) photographs
(D) photographic
105. At the end of the lease period, ----- keys to the apartment must be returned to the building owner.
(A) each
(B) all
(C) another
(D) others
106. The chemical can be hazardous if it gets in contact with bare skin, so be sure to handle it -----.
(A) carefully
(B) fairly
(C) currently
(D) barely
107. Tourism in Palm Valley has declined steadily ----- the past few years due to the rising cost of flights.
(A) over
(B) of
(C) beneath
(D) then
108. Most of the patient files are stored ----- secure cabinets on the fourth floor, which has a high level of security.
(A) as
(B) to
(C) in
(D) down

109. Because of a lack of space at the warehouse, some goods will be sent ----- to the store from the manufacturer.
(A) directs
(B) director
(C) directly
(D) direction
110. ----- the expansion to the Phoenix Building be approved, construction will begin at the beginning of March.
(A) Should
(B) Since
(C) Did
(D) While
111. Although the CEO spoke to reporters at the press conference, he failed to provide ----- answers to their questions.
(A) satisfies
(B) satisfactory
(C) satisfaction
(D) satisfactorily
112. Fans of the *Galaxy Battle* adventure series are ----- awaiting the release of the new film by director Rick Keller.
(A) fairly
(B) precisely
(C) repeatedly
(D) eagerly
113. The hotel works with several distributors in the region to ensure a ----- supply of cleaning products.
(A) constant
(B) portable
(C) reluctant
(D) previous
114. The office manager held a last-minute meeting ----- the sudden resignation of the company's president.
(A) concerning
(B) whereas
(C) until
(D) within
115. The first topic in the safety training covered ----- it is necessary to contact emergency medical personnel.
(A) when
(B) who
(C) what
(D) which
116. Ms. Lang uses Sky Couriers to send packages because she knows the service will be -----.
(A) prompts
(B) promptly
(C) promptness
(D) prompt
117. The parking policy that ----- by city officials last month resulted in a great deal of confusion among residents.
(A) had been implementing
(B) was implemented
(C) will have been implemented
(D) had implemented
118. The ticket allows you to visit all sections of the museum's permanent gallery ----- not its special exhibits.
(A) or
(B) but
(C) so
(D) as
119. Not until her book was published did the author speak ----- about her inspiration for writing it.
(A) publicity
(B) publicly
(C) public
(D) publicized
120. ----- its positive effect on the environment, the recycling program will generate extra income for the city.
(A) Besides
(B) Among
(C) Instead
(D) Toward

YBM
TOEIC
READING
1000
2

TEST 1

101 (C)	102 (D)	103 (A)	104 (C)	105 (B)
106 (A)	107 (A)	108 (C)	109 (C)	110 (A)
111 (B)	112 (D)	113 (A)	114 (A)	115 (A)
116 (D)	117 (B)	118 (B)	119 (B)	120 (A)
121 (B)	122 (B)	123 (D)	124 (D)	125 (C)
126 (C)	127 (D)	128 (B)	129 (D)	130 (B)
131 (C)	132 (D)	133 (B)	134 (A)	135 (A)
136 (B)	137 (B)	138 (C)	139 (C)	140 (A)
141 (A)	142 (B)	143 (D)	144 (A)	145 (C)
146 (C)	147 (D)	148 (C)	149 (D)	150 (C)
151 (A)	152 (C)	153 (D)	154 (B)	155 (D)
156 (B)	157 (C)	158 (B)	159 (A)	160 (A)
161 (C)	162 (C)	163 (A)	164 (B)	165 (D)
166 (A)	167 (D)	168 (C)	169 (C)	170 (A)
171 (D)	172 (C)	173 (A)	174 (B)	175 (C)
176 (B)	177 (B)	178 (C)	179 (A)	180 (D)
181 (D)	182 (D)	183 (D)	184 (B)	185 (B)
186 (A)	187 (D)	188 (C)	189 (D)	190 (D)
191 (B)	192 (B)	193 (D)	194 (D)	195 (D)
196 (D)	197 (B)	198 (A)	199 (D)	200 (C)

PART 5

101 Tính từ sở hữu

Giải thích	Vì từ cần điền bổ nghĩa cho danh từ "variety" sau chỗ trống nên đáp án là tính từ sở hữu (C) our.
Dịch nghĩa	Các thực khách tại Appleton Buffet đã nhận xét tích cực về nhiều món hải sản đa dạng của chúng tôi.
Từ vựng	diner thực khách comment favorably on nhận xét tích cực về [a / tính từ sở hữu] wide variety of đa dạng seafood dish món hải sản

102 Từ vựng _ Danh từ

Giải thích	Từ cần điền là danh từ kết hợp với danh từ "delivery" trước chỗ trống để tạo thành một danh từ ghép được bổ nghĩa bởi tính từ "reasonable". Theo ngữ cảnh, ta cần điền một từ để tạo thành cụm có nghĩa là "phí giao hàng hợp lý" nên đáp án là (D) fees (phí). Cần lưu ý rằng, "delivery fee" (phí giao hàng) là một cụm từ cố định. Các phương án (A) routines (thói quen, công việc thường ngày), (B) trucks (xe tải) và (C) duties (nghĩa vụ, công việc, thuế) không phù hợp về nghĩa.
Dịch nghĩa	Nội thất Rev có hàng thủ công chất lượng cao và phí giao hàng hợp lý.
Từ vựng	furniture nội thất high-quality chất lượng cao handmade goods hàng thủ công

reasonable hợp lý, phải chăng delivery fee phí giao hàng

103 Hình thái của động từ _ Thì của động từ

Giải thích	Từ cần điền là động từ đứng sau chủ ngữ "The Fort Myers Garden Club" và đứng trước cụm danh từ "a monthly newsletter" làm tân ngữ trong câu. Theo ngữ cảnh, ta cần điền một từ để tạo thành cụm có nghĩa là "lưu hành các bản tin hằng tháng" nên đáp án là (A) circulates. Động từ ở thể bị động (B) was circulated và (D) has been circulated không thể có tân ngữ đi kèm; động từ nguyên thể có "to" (C) to circulate không thể điền vào chỗ trống vốn cần một động từ nguyên thể.
Dịch nghĩa	Câu lạc bộ Fort Myers Garden lưu hành các bản tin hằng tháng để thông báo cho các thành viên.
Từ vựng	monthly hằng tháng newsletter bản tin keep + somebody + informed thông báo cho ai circulate lưu hành, phân phối.

104 Vị trí của danh từ

Giải thích	Từ cần điền là danh từ bổ nghĩa cho tính từ "fascinating". Trong các phương án đã cho, từ có thể điền vào chỗ trống là danh từ (A) photographer hoặc (C) photographs. Theo ngữ cảnh, ta cần điền một từ để tạo thành cụm có nghĩa là "sảnh được trang trí với những bức ảnh thú vị" nên đáp án là (C) photographs. Phương án (A) photographer (nhiếp ảnh gia) là danh từ nhưng không phù hợp về nghĩa, phương án (D) photographic (ảnh ảnh) là tính từ nên không phù hợp về từ loại.
Dịch nghĩa	Được trang trí với những bức ảnh thú vị, sảnh khách sạn là nơi tuyệt vời để giết thời gian trong khi chờ đợi ai đó.
Từ vựng	decorate trang trí fascinating thú vị, hấp dẫn pass the time giết thời gian, dùng thời gian để tiêu khiển wait for chờ đợi, đợi photograph ảnh, bức ảnh

105 Tính từ chỉ số lượng

Giải thích	Vì từ cần điền bổ nghĩa cho danh từ số nhiều "keys" phía sau nên đáp án là (B) all. Các phương án (A) each và (C) another bổ nghĩa cho danh từ số ít, phương án (D) others là đại từ bất định nên không thể điền vào chỗ trống vốn cần một tính từ. Cần lưu ý rằng,
-------------------	---

với phương án (B) all, ngoài danh từ số nhiều, nó còn bổ nghĩa cho danh từ không đếm được.

Dịch nghĩa Vào cuối kỳ hạn thuê, tất cả chìa khóa của căn hộ phải được trả lại cho chủ công trình.

Từ vựng at the end of vào cuối lease period thời gian/kỳ hạn thuê/cho thuê return trả lại, trở lại building owner chủ công trình

106 Từ vựng _ Trạng từ

Giải thích Từ cần điền là trạng từ bổ nghĩa cho "to handle" và đứng sau tân ngữ "it". Theo ngữ cảnh, ta cần điền một từ để tạo thành cụm có nghĩa là "xử lý thật cẩn thận" nên đáp án là (A) carefully (cẩn thận, kỹ lưỡng). Các phương án (B) fairly (khá, tương đối), (C) currently (hiện tại) và (D) barely (vừa đủ, hầu như không, trợ trệ) không phù hợp về nghĩa.

Dịch nghĩa Hóa chất này có thể nguy hiểm nếu tiếp xúc với da trần, vì vậy chắc chắn phải xử lý nó thật cẩn thận.

Từ vựng chemical hóa chất hazardous nguy hiểm get in contact with tiếp xúc với bare skin da trần be sure to + động từ nguyên thể chắc chắn, đảm bảo handle xử lý, đảm đương carefully cẩn thận, kỹ lưỡng

107 Từ vựng _ Giới từ

Giải thích Từ cần điền là giới từ đứng trước cụm danh từ "the past few years". Trong các phương án đã cho, từ có thể điền vào chỗ trống là giới từ (A) over (khắp, ở trên), (B) of (của, trong số) hoặc (C) beneath (bên dưới). Theo ngữ cảnh, ta cần điền một từ để tạo thành cụm có nghĩa là "giảm trong vài năm qua" nên đáp án là (A) over. Liên từ (D) then (rồi, lúc đó) không phù hợp vì không thể làm tân ngữ.

Dịch nghĩa Du lịch tại Palm Valley đã giảm dần trong vài năm qua do chi phí chuyến bay tăng.

Từ vựng tourism du lịch decline giảm, giảm xuống steadily dần, từ từ due to vì rising tăng, tăng lên cost of flight chi phí chuyến bay

108 Từ vựng _ Giới từ

Giải thích Từ cần điền là giới từ đứng trước cụm danh từ "secure cabinets". Theo ngữ cảnh, ta cần điền một từ để tạo thành

cụm có nghĩa là "được lưu trữ trong tủ bảo mật" nên đáp án là (C) in.

Dịch nghĩa Hầu hết các hồ sơ bệnh án được lưu trữ trong tủ bảo mật trên tầng bốn, nơi có mức độ bảo mật cao.

Từ vựng most of hầu hết, đa số patient file hồ sơ bệnh án (dùng cho việc điều trị) store lưu trữ, bảo quản secure bảo mật, an toàn a high level of security mức độ bảo mật cao

109 Vị trí của trạng từ

Giải thích Vì từ cần điền là trạng từ bổ nghĩa cho cụm động từ "will be sent" phía trước nên đáp án là (C) directly. Các phương án là động từ (A) directs, danh từ (B) director và (D) direction đều không phù hợp về từ loại.

Dịch nghĩa Do thiếu chỗ trong kho nên một số hàng hóa sẽ được gửi trực tiếp từ nhà sản xuất đến cửa hàng.

Từ vựng a lack of thiếu space không gian, khoảng trống warehouse kho, nhà kho goods hàng hóa manufacturer nhà sản xuất direct chỉ đạo, chỉ thị director giám đốc directly trực tiếp direction sự chỉ dẫn, phương hướng

110 Câu điều kiện có thật ở tương lai _ Đảo ngữ

Giải thích Vì liên từ "if" được lược bỏ nên ta phải đảo trợ động từ "should" lên đầu câu để phù hợp với chủ ngữ "the expansion to the Phoenix". Câu điều kiện có thật ở tương lai với liên từ "If" có thể là "If the expansion to the Phoenix Building should be approved".

Dịch nghĩa Nếu việc mở rộng Tòa nhà Phoenix được phê duyệt, việc xây dựng sẽ được khởi công vào đầu tháng Ba.

Từ vựng expansion sự mở rộng, sự bành trướng approve phê duyệt, cho phép construction việc xây dựng since vì while trong khi, mặc dù

111 Vị trí của tính từ

Giải thích Vì từ cần điền là tính từ bổ nghĩa cho danh từ "answers" nên đáp án là (B) satisfactory. Các phương án khác là động từ (A) satisfies, danh từ (C) satisfaction và trạng từ (D) satisfactorily không phù hợp về từ loại.

Dịch nghĩa Giám đốc điều hành đã nói chuyện với các phóng viên tại buổi họp báo, ông

ấy đã không thể đưa ra câu trả lời thỏa đáng cho những câu hỏi của họ.

Từ vựng although mặc dù speak to nói chuyện với reporter phóng viên press conference buổi họp báo fail to + động từ nguyên thể không thể, thất bại trong việc provide đưa ra, cung cấp satisfy làm thỏa mãn satisfactory thỏa đáng, thỏa mãn satisfaction sự thỏa mãn satisfactorily một cách thỏa mãn

112 Từ vựng _ Trạng từ

Giải thích Từ cần điền là trạng từ bổ nghĩa cho động từ "awaiting", nằm giữa "are" và "awaiting". Theo ngữ cảnh, ta cần điền một từ để tạo thành cụm có nghĩa là "háo hức chờ đợi" nên đáp án là (D) eagerly (háo hức, hớn hởi). Các phương án khác là (A) fairly (khá, tương đối), (B) precisely (chính xác) và (C) repeatedly (lặp đi lặp lại) không phù hợp về nghĩa.

Dịch nghĩa Những người hâm mộ loạt phim phiêu lưu Galaxy Battle đang háo hức chờ đợi sự ra mắt bộ phim mới của đạo diễn Rick Keller.

Từ vựng galaxy dải ngân hà battle cuộc chiến adventure sự phiêu lưu, cuộc phiêu lưu series loạt phim await chờ đợi, đợi (= wait for) release sự ra mắt, phát hành director giám đốc, đạo diễn eagerly háo hức, hớn hởi

113 Từ vựng _ Tính từ

Giải thích Từ cần điền là tính từ bổ nghĩa cho danh từ "supply", làm tân ngữ cho động từ "to ensure" đứng trước chỗ trống. Theo ngữ cảnh, ta cần điền một từ để tạo thành cụm có nghĩa là "để đảm bảo nguồn cung cấp ổn định" nên đáp án là (A) constant (ổn định, liên tục). Các phương án khác là (B) portable (xách tay, di động), (C) reluctant (miễn cưỡng, do dự) và (D) previous (trước đây, trước đó) không phù hợp về nghĩa.

Dịch nghĩa Khách sạn đó làm việc với một số nhà phân phối trong khu vực để đảm bảo nguồn cung cấp ổn định các sản phẩm tẩy rửa.

Từ vựng work with làm việc với several một số, một vài distributor nhà phân phối region khu vực ensure đảm bảo supply nguồn cung, sự cung cấp cleaning product sản phẩm tẩy rửa constant ổn định, liên tục cleaning product sản phẩm tẩy rửa constant ổn định, liên tục

114 Giới từ

Giải thích Từ cần điền là tính từ bổ nghĩa cho danh từ "meeting" và tân ngữ "the sudden resignation of the company's president". Trong các phương án đã cho, từ có thể điền vào chỗ trống là các giới từ (A) concerning (liên quan đến, về), (C) until (đến khi) hoặc (D) within (trong, trong vòng). Theo ngữ cảnh, ta cần điền một từ để tạo thành cụm có nghĩa là "liên quan đến việc từ chức đột ngột của chủ tịch công ty" nên đáp án là (A) concerning. Phương án (B) whereas (trái lại, trong khi) là liên từ tương phản, theo sau phải là một mệnh đề hoàn chỉnh.

Dịch nghĩa Trưởng phòng đã tổ chức một cuộc họp vào phút chót liên quan đến việc từ chức đột ngột của chủ tịch công ty.

Từ vựng office manager trưởng phòng hold a meeting tổ chức một cuộc họp last-minute vào phút chót sudden bất ngờ, đột ngột resignation sự từ chức president chủ tịch concerning liên quan đến, về

115 Liên từ nối mệnh đề danh ngữ

Giải thích Vì từ cần điền là liên từ nối mệnh đề danh ngữ làm tân ngữ cho ngoại động từ "covered" và mệnh đề "it is necessary to contact emergency medical personnel" nên đáp án là (A) when. Sau các liên từ nối mệnh đề danh ngữ (B) who, (C) what và (D) which là mệnh đề không hoàn chỉnh không có chủ ngữ hoặc tân ngữ.

Dịch nghĩa Chủ đề đầu tiên trong khóa huấn luyện an toàn bao gồm việc khi nào cần liên hệ với đội ngũ nhân viên y tế khẩn cấp.

Từ vựng safety training huấn luyện an toàn, đào tạo an toàn cover bao gồm, xử lý necessary cần thiết contact liên hệ, liên lạc emergency medical personnel đội ngũ nhân viên y tế khẩn cấp/cấp cứu

116 Vị trí của tính từ _ Bổ ngữ của chủ ngữ

Giải thích Vì từ cần điền là tính từ bổ nghĩa cho chủ ngữ "the service" đứng trước động từ "will be" nên đáp án là (D) prompt. Động từ (A) prompts, trạng từ (B) promptly và danh từ (C) promptness không phù hợp về từ loại.

Dịch nghĩa Cô Lang sử dụng Sky Couriers để gửi các kiện hàng vì cô ấy biết dịch vụ này sẽ rất nhanh chóng.

Từ vựng courier người/công ty giao hàng package bưu kiện, gói hàng prompt ngay lập tức, nhanh